

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 176/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26/02/2018.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Dương Văn Hai.
- Ông Nguyễn Văn Chót.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2018/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trịnh Thị Bé T, sinh năm 1996, địa chỉ: 3/1 ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).
2. *Bị đơn:* Đào Văn Vũ L, sinh năm 1991, địa chỉ: 34/2 ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Trịnh Thị Bé T trình bày:

Vào năm 2015 chị và anh Đào Văn Vũ L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/3/2015. Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung tên Đào Trịnh Hoài K, sinh ngày 23/9/2016, hiện nay con chung đang sống chung với chị. Anh, chị không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh L là do anh L thường xuyên cờ bạc không chăm lo cho chị và con chung nên anh, chị không còn sống chung từ tháng 3/2016 cho đến nay; gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy chị và anh L có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Đào Văn Vũ L.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Đào Trịnh Hòa K, sinh ngày 23/9/2016, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bồ hôn Đào Văn Vũ L đã được Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của chị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy: trong thời gian chung sống chị T, anh L đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị T, anh L mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Đào Văn Vũ L có sinh sống và đăng ký hộ khẩu ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[3] Về hôn nhân: chị Trịnh Thị Bé T và anh Đào Văn Vũ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện P và được

cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/3/2015. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T, anh L được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh L là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm, anh L không quan tâm chăm sóc cho chị và con chung. Xét thấy: chị T, anh L không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, anh L biết rõ chị T có yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T, anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp. Do chị Trịnh Thị Bé T và anh Đào Văn Vũ L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị Trịnh Thị Bé T và anh Đào Văn Vũ L có 01 con chung tên Đào Trịnh Hoài K, sinh ngày 23/9/2016. Xét thấy: từ khi chị T, anh L không còn sống chung con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay con chung đưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Chị Trịnh Thị Bé T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Bé T. Chị Trịnh Thị Bé T được ly hôn với anh Đào Văn Vũ L. Chị Trịnh Thị Bé T và anh Đào Văn Vũ L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: Chị Trịnh Thị Bé T được trực tiếp nuôi con chung tên Đào Trịnh Hoài K, sinh ngày 23/9/2016. Do chị Trịnh Thị Bé T không yêu cầu anh Đào Văn L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Đào Văn Vũ L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Trịnh Thị Bé T và anh Đào Văn Vũ L có thể thay đổi việc nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị Bé T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012086 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TP;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

**Caùc Hoãi thaãm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaãm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

